SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I
NĂM HỌC 2026 - 2027 - MÔN: ĐỊA LÍ 11

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM.

BÀI 1: SỰ KHÁC BIỆT VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KT- XH CỦA CÁC NHÓM NƯỚC

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

(Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án đúng)

1. NHẬN BIẾT

Câu 1: Dựa vào các tiêu chí chủ yếu nào sau đây để phân chia thế giới thành các nhóm nước?

A. GNI/ người, cơ cấu ngành kinh tế và chỉ số phát triển con người.

B. GDP/ người, đầu tư ra nước ngoài và chỉ số phát triển con người.

C. GNI, cơ cấu ngành kinh tế và trình độ dân trí, tuổi thọ trung bình.

D. GDP/ người, chỉ số phát triển con người và cơ cấu ngành kinh tế.

D. Tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người (GNI/người)

Câu 2: Các nước đang phát triển có đặc điểm là

A. GNI bình quân đầu người rất cao. **B.** đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) rất nhiều.

C. chỉ số phát triển con người rất cao. **D.** cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa.

Câu 3. Sự phân chia thế giới thành các nhóm nước nói lên tình trạng chủ yếu nào sau đây?

A. Thế giới có nhiều quốc gia, dân tộc và tôn giáo.

B. Sự khác biệt về trình độ phát triển giữa các nhóm nước.

C. Sự khác nhau về chế độ chính trị - xã hội giữa các nước.

D. Hậu quả kéo dài của chiến tranh lạnh kéo dài.

Câu 4. Đặc điểm nào sau đây là của các nước đang phát triển?

A. GNI/người, chỉ số HDI ở mức cao, nợ nước ngoài nhiều.

B. GDP cao, chỉ số HDI ở mức thấp, nợ nước ngoài nhiều.

C. GDP/người thấp, chỉ số HDI ở mức thấp, nợ nước ngoài nhiều.

D. GNI cao, năng suất lao động xã hội cao, chỉ số HDI ở mức thấp.

Câu 5. Các nước đang phát triển có đặc điểm nào sau đây?

A. Thu nhập bình quân theo đầu người cao.

B. Chỉ số phát triển con người ở mức cao.

C. Tuổi thọ trung bình của dân cư còn thấp.

D. Tỉ trọng ngành dịch vụ rất cao trong cơ cấu GDP.

Câu 6. Ở các nước phát triển, lao động chủ yếu tập trung vào ngành nào dưới đây?

A. Công nghiệp. **B.** Nông nghiệp. **C.** Dịch vụ. **D.** Lâm nghiệp.

Câu 7: Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nước phát triển có đặc điểm là

A. khu vực II rất cao, khu vực I và III thấp. **B.** khu vực I rất thấp, khu vực II và III cao.

C. khu vực I và III cao, Khu vực II thấp. **D.** khu vực I rất thấp, khu vực III rất cao.

Câu 8. Cơ cấu kinh tế theo ngành **không** phản ánh trình độ

A. phân công lao động xã hội. **B**. phát triển khoa học – công nghệ.

C. phát triển của lực lượng sản xuất. **D**. tổ chức sản xuất theo lãnh thổ.

Câu 9. Chỉ số phát triển con người (HDI) phản ánh trình độ

A. sức khoẻ, giáo dục và thu nhập của con người.

B. phát triển kinh tế và chất lượng cuộc sống dân cư.

C. dân trí, học vấn và chất lượng cuộc sống của dân cư.

D. phân công lao động và phát triển lực lượng sản xuất.

Câu 10: Để nâng cao trình độ phát triển kinh tế, các nước đang phát triển hiện nay tập trung đẩy mạnh

A. công nghiệp hóa, hiện đại hóa. **B.** đô thị hóa, công nghiệp hóa.
C. xuất khẩu và công nghiệp hóa. **D.** dịch vụ và hiện đại hóa.

Câu 11: Ở các nước phát triển, lao động chủ yếu tập trung vào ngành nào sau đây?
A. Công nghiệp. **B.** Nông nghiệp. **C.** Dịch vụ. **D.** Lâm nghiệp.

Câu 12. Về mặt xã hội, các nước phát triển có đặc điểm chung nào sau đây?
A. Toàn bộ người dân đều biết chữ. **B**. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên thấp.
C. Không có tình trạng lao động thất nghiệp. **D**. Không có tình trạng phân hóa giàu nghèo.

Câu 13: Ở nhóm nước phát triển, người dân có tuổi thọ trung bình cao, nguyên nhân chủ yếu là do
A. môi trường sống thích hợp. **B.** chất lượng cuộc sống cao.
C. nguồn gốc gen di truyền. **D.** làm việc và nghỉ ngơi hợp lí.

Câu 14: Các nước phát triển có đặc điểm là
A. GNI bình quân đầu người thấp. **B.** Chỉ số phát triển con người thấp.
C. đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) nhỏ. **D.** đang chuyển sang nền kinh tế tri thức.

Câu 15: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với nhóm nước phát triển?
A. GNI bình quân đầu người cao. **B.** Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) nhiều.
C. Chỉ số phát triển con người cao. **D.** Chiếm tỉ trọng nhỏ trong GDP toàn cầu.

Câu 16: Các quốc gia đang phát triển thường
A. đang đẩy mạnh công nghiệp hóa. **B.** có nền công nghiệp phát triển rất sớm.
C. GNI bình quân đầu người rất cao. **D.** tuổi thọ trung bình của người dân cao.

Câu 17. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu tạo nên sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa nhóm nước phát triển và đang phát triển?
A. Quy mô dân số và cơ cấu dân số.
B. Vị trí địa lí và tài nguyên thiên nhiên.
C. Điều kiện tự nhiên và nguồn khoáng sản.
D. Trình độ khoa học kỹ thuật và công nghệ.

Câu 18: Nhóm nước phát triển, người dân có tuổi thọ trung bình cao, nguyên nhân chủ yếu là do
A. nguồn gốc gen di truyền. **B.** chất lượng cuộc sống cao.
C. môi trường sống thích hợp. **D**. làm việc và nghỉ ngơi hợp lí.

Câu 19: Phát biểu nào sau đây đúng khi so sánh các nước đang phát triển với các nước phát triển?
A. GNI bình quân đầu người thấp hơn nhiều. **B.** đầu tư trực tiếp ra nước ngoài ở mức cao.
C. chỉ số chất lượng cuộc sống (HDI) cao. **D.** dịch vụ có tỉ trọng cao trong nền kinh tế.

Câu 20: Nhóm nước phát triển và đang phát triển có sự khác biệt về cơ cấu kinh tế theo ngành do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?
A. trình độ phát triển kinh tế. **B.** phong phú về tài nguyên.
C. sự đa dạng về chủng tộc. **D.** phong phú nguồn lao động.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Thí sinh trả lời các câu hỏi sau. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: **Cho thông tin sau:**

Kinh tế tri thức là nền kinh tế phát triển dựa trên sức mạnh của tri thức để sử dụng hiệu quả các nguồn lực kinh tế. Bao gồm các hoạt động chuyển giao, cải tiến, nghiên cứu các công nghệ ….

a) Kinh tế tri thức là hệ quả của cuộc Cách mạng khoa học công nghệ hiện đại.
b) Sản xuất công nghệ là hình thức quan trọng nhất của nền kinh tế tri thức.
c) Kinh tế tri thức thúc đẩy Toàn cầu hóa diễn ra nhanh hơn.
d) Kinh tế tri thức giúp tình trạng chảy máu chất xám của Việt Nam hạn chế hơn.

Câu 2. Đặc điểm kinh tế của nước phát triển và nước đang phát triển?
a) Hầu hết các nước đang phát triển có quy mô GDP trung bình và thấp nhưng tốc độ tăng GDP khá cao.
b) Ngành công nghiệp và xây dựng chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP các nước phát triển.

c) Cơ cấu kinh tế các nước đang phát triển chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá với tỉ trọng ngành công nghiệp và xây dựng, dịch vụ có xu hướng tăng.

d) Hiện nay, các nước phát triển và một số nước đang phát triển đang chú trọng phát triển các sản phẩm có hàm lượng khoa học - công nghệ và tri thức cao.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Các nước phát triển thường có quy mô GDP lớn và có tốc độ tăng GDP khá ổn định. Nhóm nước này tiến hành công nghiệp hóa từ sớm và thường dẫn đầu trong các cuộc cách mạng công nghiệp trên thế giới (như Anh, Hoa Kì, Nhật Bản, Đức…). Ngành dịch vụ đóng góp nhiều nhất trong GDP. Hiện nay, các nước phát triển tập trung vào đổi mới và phát triển các sản phẩm có hàm lượng khoa học – công nghệ và tri thức cao.

a) Các nước phát triển thường có quy mô GDP nhỏ.

b) Các nước phát triển tiến hành công nghiệp hóa từ sớm.

c) Ngành dịch vụ các nước phát triển đóng góp nhiều nhất trong GDP.

d) Các nước phát triển có tốc độ tăng GDP không ổn định.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Nước đang phát triển là một quốc gia có bình quân mức sống còn khiêm tốn, có nền tảng công nghiệp chưa được phát triển hoàn toàn và có chỉ số phát triển con người (HDI) cũng như thu nhập bình quân đầu người không cao. Còn các quốc gia phát triển, nền kinh tế có thu nhập bình quân đầu người cao, chỉ số phát triển con người (HDI) cao, cũng như công tác đảm bảo an ninh gần như tuyệt đối.

a) HDI dùng để đánh giá, so sánh trình độ phát triển kinh tế và mức sống dân cư giữa các quốc gia.

b) Cơ cấu kinh tế theo ngành phát ánh trình độ phân công lao động xã hội, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất,…

c) GNI/ người là một trong những chỉ tiêu đánh giá trình độ phát triển của một quốc gia.

d) Nước phát triển và nước đang phát triển được phân chia theo các chỉ tiêu: GNI/ người, cơ cấu kinh tế, HDI,..

PHẦN III. CÂU TRẮC NGHIỆM YÊU CẦU TRẢ LỜI NGẮN.

Câu 1. Năm 2020, thế giới có khoảng 768 triệu người bị thiếu dinh dưỡng, trong đó có hơn 50% sống ở châu Á. Theo đó, nếu có 100 triệu người bị thiếu dinh dưỡng thì châu Á có bao nhiêu triệu người? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của triệu người)

Câu 2. Theo Cơ quan Năng lượng Quốc tế, tổng tiêu thụ năng lượng trên thế giới năm 2020 là 400 triệu Tê-ra-jun (TJ), dự đoán đến năm 2050 nhu cầu sẽ tăng 24%. Như vậy nghĩa là vào năm 2050 nhu cầu năng lượng tăng thêm bao nhiêu Tê-ra-jun (TJ)? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của (TJ))

BÀI 2: XU HƯỚNG TOÀN CẦU HÓA VÀ KHU VỰC HÓA KINH TẾ

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

(Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án đúng)

1. NHẬN BIẾT

Câu 1: Toàn cầu hóa kinh tế là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới về

A. sản xuất, thương mại, tài chính. **B.** thương mại, tài chính, giáo dục.

C. tài chính, giáo dục và chính trị. **D.** giáo dục, chính trị và sản xuất.

Câu 2: Khu vực hóa kinh tế là liên kết kinh tế - thương mại giữa

A. những khu vực có sự gần gũi nhau. **B.** những nước cùng trình độ phát triển.

C. các nước có sự tương đồng với nhau. **D.** các nhóm nước có quan hệ với nhau.

Câu 3: Toàn cầu hóa là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới **không** phải về

A. kinh tế. **B.** văn hóa. **C.** khoa học. **D.** chính trị.

Câu 4: Tổ chức nào sau đây tham gia và chi phối trên 95% hoạt động thương mại toàn cầu?

A. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF). **B.** Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

C. Ngân hàng thế giới (WBG). **D.** Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR).

Câu 5: Sự ra đời của tổ chức nào sau đây là biểu hiện của khu vực hóa kinh tế?
A. Ngân hàng thế giới (WBG).
B. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).
C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
D. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF).
Câu 6: Sự ra đời của tổ chức nào sau đây là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế?
A. Ngân hàng thế giới (WB).
B. Liên minh châu Âu (EU).
C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
D. Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR).
Câu 7: Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực trên thế giới thường được thành lập bởi các quốc gia có
A. chung mục tiêu và lợi ích phát triển. **B.** sự phát triển kinh tế - xã hội đồng đều.
C. tổng thu nhập quốc gia tương tự nhau. **D.** lịch sử phát triển đất nước giống nhau.
Câu 8: Thách thức to lớn của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển là
A. tự do hóa thương mại được mở rộng. **B.** gây áp lực với tự nhiên, môi trường.
C. hàng hóa có cơ hội lưu thông rộng rãi. **D.** các quốc gia đón đầu công nghệ mới.
Câu 9: Các tổ chức liên kết kinh tế đặc thù trên thế giới thường được thành lập bởi các quốc gia có
A. nét tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội. **B.** sự phát triển kinh tế - xã hội đồng đều.
C. tổng thu nhập quốc gia tương tự nhau. **D.** lịch sử phát triển đất nước giống nhau.
Câu 10: Biểu hiện nào sau đây **không** phải của toàn cầu hóa kinh tế?
A. Thương mại thế giới phát triển mạnh. **B.** Các công ty đa quốc gia có vai trò lớn.
C. Thị trường tài chính quốc tế mở rộng. **D.** Các quốc gia gần nhau lập các tổ chức.
Câu 11: Biểu hiện của thương mại thế giới phát triển mạnh là
A. mạng lưới liên kết tài chính toàn cầu mở rộng toàn thế giới.
B. đầu tư nước ngoài tăng rất nhanh, nhất là lĩnh vực dịch vụ.
C. thương mại điện tử có những bước phát triển mạnh mẽ.
D. các công ti xuyên quốc gia hoạt động với phạm vi rất rộng.
Câu 12: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với các công ty đa quốc gia?
A. Khai thác nền kinh tế các nước thuộc địa. **B.** Sở hữu nguồn của cải vật chất lớn.
C. Chi phối nhiều ngành kinh tế quan trọng. **D.** Phạm vi hoạt động ở nhiều quốc gia.
Câu 13: Một trong những biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế là
A. trao đổi học sinh, sinh viên thuận lợi giữa nhiều nước.
B. tăng cường hợp tác về văn hóa, văn nghệ và giáo dục.
C. đẩy mạnh hoạt động giao lưu văn hóa giữa các dân tộc.
D. Mạng lưới tài chính toàn cầu phát triển nhanh chóng.
Câu 14: Hệ quả tiêu cực của toàn cầu hóa kinh tế là
A. tăng cường sự hợp tác quốc tế nhiều mặt. **B.** đẩy nhanh đầu tư, làm sản xuất phát triển.
C. gia tăng nhanh khoảng cách giàu nghèo. **D.** thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế toàn cầu.
Câu 15: Tác động tích cực của của toàn cầu hóa **không** phải là
A. tăng cường sự hợp tác về kinh tế và văn hóa giữa các nước.
B. đẩy nhanh đầu tư và khai thác triệt để khoa học, công nghệ.
C. thúc đẩy sản xuất phát triển và tăng trưởng kinh tế toàn cầu.
D. thúc đẩy quá trình đô thị hóa tự phát ở nước đang phát triển.
Câu 16: Khu vực hóa kinh tế không dẫn đến
A. tăng cường tự do hóa thương mại ở trong khu vực.
B. thúc đẩy quá trình mở cửa thị trường các quốc gia.
C. tăng cường quá trình toàn cầu hóa kinh tế thế giới.
D. xung đột và cạnh tranh giữa các khu vực với nhau.

Câu 17: Các công ty đa quốc gia có đặc điểm nào sau đây?

A. Số lượng có xu hướng ngày càng giảm. **B.** Phạm vi hoạt động trong một khu vực.

C. Góp phần liên kết các quốc gia lại với nhau. **D.** Chi phối hoạt động chính trị của nhiều nước.

Câu 18: Toàn cầu hóa kinh tế có biểu hiện nào dưới đây?

A. Tăng trị giá nhập khẩu dịch vụ. **B**. Tăng trị giá xuất khẩu hàng hóa.

C. Tăng nhanh thương mại quốc tế. **D**. Tăng nhanh thương mại nội địa.

Câu 19: Các hoạt động nào sau đây thu hút mạnh mẽ nhất nguồn đầu tư nước ngoài?

A. Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. **B.** Nông nghiệp, thủy lợi, giáo dục.

C. Văn hóa, giáo dục, công nghiệp. **D.** Du lịch, công nghiệp, giáo dục.

Câu 20: Đặc trưng của các công ty đa quốc gia là

A. thúc đẩy thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế.

B. phát triển nguồn nhân lực trên khắp toàn cầu.

C. quốc tế hóa, mở rộng hoạt động cấp toàn cầu.

D. thúc đẩy chuyển giao công nghệ toàn thế giới.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Thí sinh trả lời các câu hỏi sau. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Trong các câu sau, câu nào đúng, câu nào sai về toàn cầu hoá kinh tế?

a) Toàn cầu hoá kinh tế là quá trình gia tăng các hoạt động kinh tế giữa các nước và khu vực trên thế giới nhằm xây dựng một thị trường thống nhất trên toàn cầu.

b) Một trong những biểu hiện của toàn cầu hoá là áp dụng rộng rãi các tiêu chuẩn toàn cầu trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

c) Toàn cầu hoá góp phần hạn chế sự phân hoá trình độ phát triển kinh tế và khoảng cách giàu nghèo giữa các nước.

d) Toàn cầu hoá kinh tế góp phần khai thác lợi thế cạnh tranh của từng quốc gia.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Toàn cầu hóa là quá trình là quá trình liên kết và phụ thuộc lẫn nhau của các nền quốc gia, khu vực và địa phương trên toàn thế giới thông qua việc tăng trưởng, cải thiện các lĩnh vực kinh tế như sản xuất, thương mại, tài chính và dịch vụ. Toàn cầu hóa cũng liên quan đến việc giảm nghèo, tăng thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống và nâng cao trình độ giáo dục và y tế cho người dân.

a) Sự dịch chuyển hàng hoá, dịch vụ, công nghệ, vốn, lao động,... giữa các quốc gia ngày càng trở nên dễ dàng.

b) Các hợp tác song phương và đa phương đã trở nên phổ biến, nhiều hiệp định được kí kết,...

c) Ngày càng có nhiều tổ chức khu vực trên thế giới được hình thành và quy mô ngày càng lớn.

d) Các hợp tác trong khu vực ngày càng đa dạng và có nhiều hình thức khác nhau.

Câu 3. Cho thông tin:

Hội nhập kinh tế quốc tế đã đưa Việt Nam vào tốp 20 nền thương mại hàng hóa lớn nhất thế giới vào năm 2021 và đứng thứ 17 trên thế giới về xuất khẩu. Với lợi thế về điều kiện tự nhiên, Việt Nam là quốc gia xuất khẩu dừa và hạt điều lớn nhất thế giới. Ngoài ra, với lợi thế về nguồn lao động và ưu đãi từ các chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, Việt Nam đã thu hút được hơn 15,66 tỉ USD vốn FDI năm 2021.

(Nguồn: Bộ kế hoạch và đầu tư Việt Nam)

a) Việt Nam là quốc gia xuất khẩu dừa và hạt điều lớn nhất thế giới.

b) Việt Nam thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài nhờ lợi thế về nguồn lao động.

c) Nguồn lực bên ngoài không ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội của nước ta.

d) Sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là của vùng ôn đới.

Câu 4: Cho thông tin:

Toàn cầu hóa thúc đẩy chuyên môn hóa, hợp tác hóa, tăng trưởng nhanh kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển chuỗi liên kết toàn cầu. Toàn cầu hóa làm gia tăng các mối quan hệ, ảnh hưởng lẫn nhau giữa các quốc gia, khu vực, mở ra nhiều cơ hội để giao lưu, trao đổi, những thành tựu của khoa học công nghệ kỹ thuật tiên tiến và công nghệ hiện đại. Toàn cầu hóa làm xuất hiện và nhân rộng các mạng lưới liên kết.

Tuy nhiên, toàn cầu hóa cũng làm gia tăng nhanh chóng khoảng cách giàu nghèo và đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết như: giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giữ vững tính tự chủ quốc gia về kinh tế.

a) Toàn cầu hóa tạo ra sự dịch chuyển các yếu tố sản xuất như lao động, vốn, công nghệ và tri thức.

b) Các nước ứng dụng khoa học công nghệ và tri thức cao vào phát triển kinh tế, hướng tới phát triển xanh và bền vững.

c) Toàn cầu hóa làm cho các nước nghèo có nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế.

d) Toàn cầu hóa làm mất dần bản sắc văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa truyền thống bị biến mất.

PHẦN III: CÂU TRẮC NGHIỆM YÊU CẦU TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Năm 2000, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào các nước đạt 1,4 tỉ USD, năm 2021 đã lên đến 1,6 000 tỉ USD. Vậy năm 2021 tổng vốn đầu tư nước ngoài so với năm 2000 gấp bao nhiêu lần (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 2: Năm 2020, giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của thế giới là 22 594,7 tỉ USD. Cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của thế giới là 645,1 tỉ USD. Tính tổng giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của thế giới năm 2020. (Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của nghìn tỉ USD)

Câu 3: Năm 2020, tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của thế giới là 44,5 nghìn tỉ USD. Cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của thế giới là 0,6 nghìn tỉ USD. Tính giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của thế giới năm 2020. (Làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của nghìn tỉ USD)

BÀI 4: MỘT SỐ TỔ CHỨC QUỐC TẾ, KHU VỰC, AN NINH TOÀN CẦU

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

(Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án đúng)

Câu 1: Vấn đề nào dưới đây là vấn đề an ninh truyền thống?

A. An ninh năng lượng. **B.** An ninh quân sự.

C. An ninh mạng. **D.** An ninh nguồn nước.

Câu 2: Vấn đề nào dưới đây là vấn đề an ninh phi truyền thống?

A. An ninh chính trị. **B.** An ninh quân sự.

C. Chiến tranh, xung đột vũ trang. **D.** An ninh lương thực.

Câu 3: Duy trì hòa bình và trật tự thế giới là nhiệm vụ chủ yếu của

A. Tổ chức Thương mại Thế giới. **B.** Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).

C. Ngân hàng Thế giới (WB). **D.** Liên hợp quốc.

Câu 4: Đảm bảo sự ổn định tài chính toàn cầu là nhiệm vụ chủ yếu của

A. Tổ chức Thương mại Thế giới. **B.** Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).

C. Ngân hàng Thế giới (WB). **D.** Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – TBD.

Câu 5: Thiết lập và duy trì một nền thương mại toàn cầu tự do, thuận lợi và minh bạch là tôn chỉ của tổ chức nào sau đây?

A. Tổ chức Thương mại Thế giới. **B.** Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).

C. Ngân hàng Thế giới (WB). **D.** Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – TBD.

Câu 6: Vấn đề nào dưới đây **không** phải là mối đe dọa đến hòa bình và an ninh quốc tế hiện nay?

A. Thiếu lương thực. **B.** Tranh chấp biên giới.

C. Biến đổi khí hậu. **D.** Tai nạn giao thông.

Câu 7: Những khu vực nào dưới đây chịu tác động nghiêm trọng của nạn đói?

A. Bắc Phi, Nam Mỹ. **B.** Bắc Mỹ, Đông Nam Á.

C. Nam Phi, Trung Mỹ. **D.** Đông Phi, Trung Phi.

Câu 8: APEC là tên viết tắt của tổ chức nào dưới đây?

A. Quỹ Tiền tệ Quốc tế. **B.** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

C. Hội nghị thượng đỉnh Á – Âu. **D.** Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á – TBD.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây đúng với tôn chỉ hoạt động của Tổ chức thương mại thế giới (WTO)?

A. Cung cấp các khoản cho vay. **B.** Bảo vệ các quyền con người.

C. Minh bạch trong thương mại. **D.** Thực hiện các cứu trợ nhân đạo.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây đúng với mục tiêu của Liên hợp quốc?

A. Cung cấp các khoản cho vay. **B.** Bảo vệ các quyền con người.

C. Minh bạch trong thương mại. **D.** Đảm bảo an ninh tài chính.

Câu 12: Phát biểu nào sau đây đúng về tổ chức Thương mại thế giới (WTO)?

A. Tổ chức liên chính phủ lớn nhất thế giới. **B.** Là một liên minh tiền tệ quốc tế lớn nhất.

C. Tổ chức thương mại lớn nhất trên thế giới. **D.** Là một liên minh khu vực lớn nhất thế giới.

Câu 13: Phát biểu nào sau đây đúng về Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC)?

A. Tổ chức liên chính phủ lớn nhất thế giới. **B.** Là một liên minh tiền tệ quốc tế lớn nhất.

C. Tổ chức thương mại lớn nhất trên thế giới. **D.** Là một diễn đàn kinh tế mở với GDP lớn.

Câu 14: Xung đột vũ trang có thể làm mất an ninh lương thực chủ yếu do

A. làm gián đoạn nguồn cung và khả năng tiếp cận lương thực.

B. làm thiếu hụt nghiêm trọng nguồn lao động trong nông nghiệp.

C. làm suy giảm khả năng đầu tư cho sản xuất lương thực thế giới.

D. hạn chế các hoạt động xuất, nhập khẩu lương thực trên thế giới.

Câu 15: Giải pháp quan trọng nhất để đảm bảo an ninh lương thực cho các nước là

A. cứu trợ nhân đạo khẩn cấp. **B.** tập trung phát triển lương thực.

C. sản xuất nông nghiệp bền vững. **D.** Phát huy vai trò của các tổ chức.

Câu 16: Giải pháp quan trọng nhất để đảm bảo an ninh năng lượng và phát triển bền vững ở các quốc gia là

A. tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo.

B. chủ động kiểm soát tốt việc sử dụng năng lượng.

C. phát huy vai trò các tổ chức năng lượng quốc tế.

D. hạn chế tốt việc sử dụng các nguồn năng lượng.

Câu 17: An ninh mạng trở thành vấn đề an ninh toàn cầu do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

A. Sự bùng nổ nhanh chóng của công nghệ thông tin.

B. Có thách thức lớn về kinh tế và an ninh quốc gia.

C. Diễn biến rất nhanh và ngày càng tinh vi, phức tạp.

D. Xảy ra trên phạm vi rộng lớn, không thể khắc phục.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Thí sinh trả lời các câu hỏi sau. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: **Cho thông tin sau:**

An ninh lương thực là việc đảm bảo mọi người có quyền tiếp cận nguồn lương thực một cách đầy đủ, an toàn để duy trì cuộc sống khỏe mạnh.

a) An ninh lương thực bị ảnh hưởng bởi chiến tranh, xung đột vũ trang, thiên tai, …..

b) Bình quân lương thực đầu người là một trong những chỉ tiêu phản ánh an ninh lương thực.

c) Để đảm bảo an ninh lương thực nên đẩy mạnh các biện pháp quảng canh trong nông nghiệp.

d) Biến đổi khí hậu ảnh hưởng lớn đến vấn đề an ninh lương thực của Việt Nam.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Trên thế giới có nhiều vấn đề an ninh toàn cầu, được xếp vào nhóm các vấn đề an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống. An ninh truyền thống là các vấn đề liên quan đến quân sự. An ninh phi truyền thống bao gồm một số vấn đề mang tính toàn cầu như: an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh mạng, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, xung đột sắc tộc,...

a) An ninh truyền thống là các vấn đề liên quan đến an ninh chính trị và quân sự như: khủng bố, xung đột vũ trang,...

b) An ninh phi truyền thống bao gồm một số vấn đề mang tính toàn cầu như: an ninh kinh tế, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh mạng,...

c) Các vấn đề về an ninh tài chính, xung đột sắc tộc, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, khủng bố quốc tế thuộc về an ninh truyền thống.

d) Hội đồng Bảo an đảm nhiệm trách nhiệm hàng đầu của Liên hợp quốc là duy trì hoà bình và an ninh quốc tế.

Câu 3: Cho thông tin sau:

APEC là một diễn đàn kinh tế mở của các nền kinh tế nằm trong khu vực Châu Á -Thái Bình Dương. APEC có nhiệm vụ thúc đẩy tự do hóa thương mại và đầu tư trong khu vực, khuyến khích hợp tác kinh tế - kỹ thuật giữa các thành viên; điều chỉnh các quy định và tiêu chuẩn trên toàn khu vực; phối hợp trong xây dựng và triển khai các sáng kiến hành động dựa trên những chính sách, thỏa thuận đạt được trong khu vực.

a) Việt Nam là thành viên của APEC từ năm 1998 .

b) Mục tiêu hoạt động của APEC là thúc đẩy tự do thương mại và đầu tư trong khu vực với các tổ chức kinh tế khác.

c) Các nước thành viên của APEC chủ yếu thuộc khu vực Châu Á.

d) APEC có nhiệm vụ nâng cao mức sống tạo công ăn việc làm cho người dân các nước thành viên.

PHẦN III: CÂU TRẮC NGHIỆM YÊU CẦU TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của thế giới năm 1990 và 2024 lần lượt là 225,0 tỷ USD và 1400 tỷ USD. Hãy cho biết FDI của thế giới năm 2024 gấp bao nhiêu lần năm 1990 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành của thế giới và một số nhóm nước năm 2024

(Đơn vị: Tỉ USD)

Thế giới	Nhóm nước thu nhập thấp	Nhóm nước thu nhập cao
110983	469	71321

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2024 tỉ trọng GDP của nhóm nước thu nhập cao lớn hơn tỉ trọng GDP của nhóm nước thu nhập thấp bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Sản lượng dầu mỏ của thế giới, giai đoạn 2000 - 2024

(Đơn vị: Nghìn thùng/ngày)

Năm	2018	2020	2022	2024
Dầu mỏ	95029	88938	94313	96890

(Nguồn: WB, 2025)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ của thế giới năm 2024 so với năm 2018 là bao nhiêu phần trăm (coi năm 2018 = 100%) (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Sản lượng điện của thế giới, giai đoạn 2018 - 2024

(Đơn vị: Terawatt-giờ (TWh))

Năm	2018	2020	2022	2024
Điện	26776,6	27016,6	29203,6	31255,9

(Nguồn: WB, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng sản lượng điện của thế giới năm 2024 so với năm 2018 là bao nhiêu phần trăm (coi năm 2018 = 100%). (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5: Năm 2024, số dân thế giới là 8141,8 triệu người, sản lượng lương thực có hạt của thế giới là 2854 triệu tấn. Hãy cho biết bình quân lương thực có hạt theo đầu người của thế giới năm 2024 là bao nhiêu kg/người. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

BÀI 5: NỀN KINH TẾ TRI THỨC

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1: Nền kinh tế tri thức là nền kinh tế dựa trên

A. tri thức, kĩ thuật, công nghệ cao.
B. tri thức, kĩ thuật, giàu tài nguyên.
C. tri thức, công nghệ cao, lao động.
D. tri thức, lao động, vốn dồi dào.

Câu 2: Lĩnh vực nào chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP của nền kinh tế tri thức?

A. Công nghiệp.
B. Nông nghiệp.
C. Dịch vụ.
D. Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm.

Câu 3: Để tiếp cận với nền kinh tế tri thức, Việt Nam cần đặc biệt quan tâm phát triển lĩnh vực nào sau đây?

A. Công nghiệp và thương mại.
B. Giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học.
C. Đối ngoại và thương mại.
D. Văn hóa - xã hội và kinh tế đối ngoại.

Câu 4: Hình thức sản xuất nào sau đây là quan trọng nhất và tiêu biểu nhất trong nền kinh tế tri thức?

A. Sản xuất công nghệ.
B. Khai thác tài nguyên thô.
C. Nông nghiệp quảng canh.
D. Lắp ráp gia công truyền thống.

Câu 5: Việc ứng dụng công nghệ thực tế - ảo trong các hoạt động học tập, thiết kế hay thực nghiệm khoa học nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

A. Thay thế hoàn toàn vai trò của người lao động trong mọi công đoạn.
B. Tiết kiệm thời gian, công sức, tiền bạc và nâng cao năng suất lao động.
C. Ngăn cản sự liên kết và hợp tác kinh tế giữa các nước trên thế giới.
D. Tập trung đối đa vào việc sản xuất các sản phẩm công nghiệp thô.

Câu 6: Khoa học và công nghệ đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp vì

A. tham gia vào quá trình sản xuất.
B. trực tiếp làm ra các sản phẩm.
C. tạo ra nhiều ngành công nghiệp.
D. tạo ra các dịch vụ nhiều tri thức.

Câu 7: Đặc điểm lao động của nền kinh tế tri thức là

A. chủ yếu là công nhân tri thức, trình độ học vấn cao.
B. chủ yếu là công nhân tri thức, có học vấn phổ thông.
C. chủ yếu là nông dân, trình độ học vấn còn chưa cao.
D. chủ yếu là công nhân, trình độ học vấn còn chưa cao.

Câu 8: Việc nền kinh tế tri thức chú trọng áp dụng các nguyên liệu sạch và nguồn năng lượng tự nhiên trong hoạt động sản xuất nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

A. Hạn chế tối đa sự can thiệp của các chính sách hợp tác kinh tế đối ngoại từ bên ngoài.
B. Giải quyết triệt để tình trạng thất nghiệp cho tất cả các nhóm lao động phổ thông.
C. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển bền vững.
D. Thay thế hoàn toàn các hoạt động nghiên cứu khoa học cơ bản trong hệ thống giáo dục.

Câu 9: Ưu thế lớn nhất của việc áp dụng công nghệ thông tin trong nền kinh tế tri thức là

A. tiết kiệm được nguồn năng lượng lớn.
B. hạn chế được sự ô nhiễm môi trường.
C. rút ngắn thời gian và không gian xử lí thông tin.

D. chi phí cho lao động sản xuất ở mức thấp nhất.

Câu 10: Nhằm rút ngắn khoảng cách phát triển và không bị tụt hậu trong kỷ nguyên số, các nước đang phát triển cần thực hiện giải pháp chiến lược nào sau đây để từng bước tiếp cận nền kinh tế tri thức?

A. Hạn chế tối đa các hoạt động chuyển giao công nghệ từ các nước phát triển.

B. Tập trung xuất khẩu các sản phẩm thô để tích lũy nguồn vốn ban đầu.

C. Ngừng hoàn toàn việc đào tạo các ngành khoa học cơ bản ở bậc đại học.

D. Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn liền với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI

Câu 1: Cho thông tin sau:

Kinh tế tri thức bao gồm các hoạt động như chuyển giao, nghiên cứu công nghệ,... để tạo nên nhiều của cải vật chất và nâng cao giá trị tinh thần của con người. Đây là nền kinh tế phát triển chủ yếu bởi sức mạnh của tri thức trong việc vận dụng hiệu quả các nguồn lực về kinh tế.

a) Kinh tế tri thức sử dụng hiệu quả các nguồn lực tri thức để tạo ra của cải cho xã hội.

b) Nguồn lực tài nguyên đóng vai trò quyết định về sức mạnh của nền kinh tế tri thức.

c) Hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ là những thành phần cốt lõi của kinh tế tri thức.

d) Việc tập trung phát triển kinh tế tri thức giúp một quốc gia giải quyết đồng thời bài toán kinh tế và môi trường.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Có sự ứng dụng công nghệ thực tế - ảo trong các hoạt động như học tập, thiết kế, xây dựng, kiến trúc, thực nghiệm khoa học,... giúp tiết kiệm được thời gian, công sức và tiền bạc, đồng thời nâng cao năng suất lao động của người dân.

a) Công nghệ thực tế - ảo được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực của nền kinh tế tri thức.

b) Việc ứng dụng thực tế ảo trong thiết kế chủ yếu mang lại lợi ích về mặt hình thức mà không có giá trị kinh tế.

c) Nâng cao năng suất lao động là một trong những mục tiêu quan trọng khi số hóa các quy trình thực nghiệm.

d) Học sinh, sinh viên cần tích cực làm chủ công nghệ mới để thích ứng với kỷ nguyên kinh tế tri thức.

III. TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Năm 2024, trị giá xuất khẩu lĩnh vực dịch vụ của Hoa Kỳ đạt 1200 tỉ USD. Trong đó thương mại số chiếm 60%. Hãy cho biết lĩnh vực thương mại số của Hoa Kỳ có trị giá là bao nhiêu tỉ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2: Vốn đầu tư nghiên cứu và phát triển theo giá hiện hành của thế giới năm 2010 và năm 2024 lần lượt là 106290 triệu USD và 278174 triệu USD. Hãy cho biết, tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư nghiên cứu và phát triển theo giá hiện hành của thế giới năm 2024 so với năm 2010 là bao nhiêu phần trăm (coi năm 2010 = 100%) (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Vốn đầu tư nghiên cứu và phát triển theo giá hiện hành của thế giới và các nhóm nước, năm 2024

(Đơn vị: Triệu USD)

Năm	2024
Thế giới	278174
Các nước đang phát triển	40127
Các nước phát triển	238047

(Nguồn: https://unctadstat.unctad.org/)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng vốn đầu tư nghiên cứu và phát triển theo giá hiện hành của nhóm nước phát triển cao hơn tỉ trọng của nhóm nước đang phát triển bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

BÀI 6, 7: KHU VỰC MỸ LA-TINH

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1: Sơn nguyên nào sau đây chiếm phần lớn diện tích ở phía đông lãnh thổ Nam Mỹ?
A. Sơn nguyên Mê-hi-cô. **B.** Sơn nguyên Bra-xin.
C. Sơn nguyên Tây Tạng. **D.** Sơn nguyên Vân Quý.

Câu 2: Thảm thực vật nào sau đây ở khu vực Mỹ La-tinh được mệnh danh là "lá phổi xanh" của Trái Đất?
A. Rừng cận nhiệt đới phía nam Ác-hen-ti-na. **B.** Xavan và rừng thưa trên sơn nguyên Bra-xin.
C. Rừng mưa nhiệt đới A-ma-dôn. **D.** Rừng lá kim trên vùng núi cao An-đét.

Câu 3: Khu vực Mỹ La-tinh gồm
A. Mê-hi-cô, Trung và Bắc Mỹ, các quần đảo trong biển Ca-ri-bê.
B. Mê-hi-cô, Trung và Nam Mỹ, các quần đảo trong biển Ca-ri-bê.
C. Mê-hi-cô, Trung và Nam Mỹ, quần đảo Ăng-ti, kênh đào Xuy-ê.
D. Mê-hi-cô, Trung và Bắc Mỹ, kênh đào Xuy-ê và kênh Pa-na-ma.

Câu 4: Phía bắc khu vực Mỹ La-tinh tiếp giáp với
A. Hoa Kỳ. **B.** Ca-na-đa.
C. quần đảo Ăng-ti lớn. **D.** quần đảo Ăng-ti nhỏ.

Câu 5: Đồng bằng nào sau đây ở Mỹ La-tinh có giá trị cao nhất về đa dạng sinh học?
A. Pam-pa. **B.** La Pla-ta. **C.** A-ma-dôn. **D.** Ô-ri-nô-cô.

Câu 6: Đô thị hóa ở khu vực Mỹ La-tinh có đặc điểm nổi bật nào sau đây?
A. Tỉ lệ dân thành thị cao nhưng chủ yếu là đô thị hóa tự phát.
B. Tỉ lệ dân thành thị thấp và đang có xu hướng giảm nhanh.
C. Các đô thị hầu hết được quy hoạch đồng bộ và hiện đại.
D. Quá trình đô thị hóa gắn liền với công nghiệp hóa nông thôn.

Câu 7: Các nước khu vực Mỹ La-tinh chủ yếu xuất khẩu các nhóm hàng nào sau đây?
A. Máy móc tinh vi và thiết bị viễn thông công nghệ cao.
B. Khoáng sản, dầu thô và nông sản nhiệt đới.
C. Phần mềm máy tính và dược phẩm sinh học cao cấp.
D. Tàu vũ trụ và thiết bị điện tử gia dụng hiện đại.

Câu 8: Mỹ La-tinh là khu vực có tỉ lệ dân thành thị
A. cao và tăng nhanh. **B.** rất cao và tăng chậm.
C. cao và tăng chậm. **D.** thấp nhưng tăng nhanh.

Câu 9: Đô thị nào có số dân lớn nhất trong các đô thị sau đây?
A. La-ha-ba-na. **B.** Xan-hô-xê. **C.** Xao Pao-lô. **D.** Ca-ra-cát.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về kinh tế khu vực Mỹ La-tinh?
A. Tổng GDP của toàn khu vực ở mức thấp. **B.** Chênh lệch lớn về GDP giữa các nước.
C. Có nhiều quốc gia nợ nước ngoài rất lớn. **D.** Tốc độ tăng trưởng GDP luôn rất nhanh.

Câu 11: Các ngành kinh tế chủ đạo ở Mỹ La-tinh là
A. khai khoáng, chế tạo máy và du lịch. **B.** trồng trọt, chăn nuôi và khai khoáng.
C. đánh cá, du lịch, nuôi trồng thủy sản. **D.** khai khoáng, nông nghiệp và dịch vụ.

Câu 12: Thảm thực vật tiêu biểu ở khu vực Mỹ La-tinh là
A. rừng nhiệt đới. **B.** rừng thưa.
C. rừng lá kim. **D.** rừng lá rộng ôn đới.

Câu 13: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây khiến nhiều quốc gia ở khu vực Mỹ La-tinh phải đối mặt với tình trạng nợ nước ngoài lớn?

A. Chi phí chi trả cho các hoạt động bảo vệ môi trường và trồng rừng quá lớn.
B. Nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn đầu tư và công nghệ từ bên ngoài.
C. Chỉ tập trung đầu tư phát triển nông nghiệp tự cung tự cấp ở vùng nông thôn.
D. Hoạt động xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp chế tạo luôn bị thua lỗ kéo dài.

Câu 14: Các quần đảo trong biển Ca-ri-bê có thuận lợi chủ yếu cho phát triển ngành kinh tế nào sau đây?
A. Khai khoáng. **B.** Thủy điện. **C.** Du lịch. **D.** Chăn nuôi.

Câu 15: Hoạt động nào sau đây là chủ yếu làm thu hẹp diện tích rừng ở Mỹ La-tinh?
A. Lấy gỗ quý, săn bắt động vật. **B.** Cháy rừng và khai thác quá mức.
C. Thủy điện và khai thác lâm sản. **D.** Khai khoáng và làm đường sá.

Câu 16: Do đô thị hóa tự phát nên dân đô thị ở khu vực Mỹ La-tinh
A. ổn định việc làm, không gian cư trú rộng, thu nhập rất cao.
B. thất nghiệp đông, thu nhập thấp, môi trường sống không tốt.
C. chủ yếu là làm thuê, mức sống thấp, điều kiện sống khó khăn.
D. thiếu việc làm, dân trí thấp, thu nhập thấp và không ổn định.

Câu 17: Sản phẩm nông nghiệp nổi bật nhất của Mỹ La-tinh là
A. lương thực. **B.** cây công nghiệp. **C.** thực phẩm. **D.** gia súc.

Câu 18: Lợi thế chủ yếu nhất để các nước Mỹ La-tinh có thể phát triển các cây công nghiệp có nguồn gốc nhiệt đới là
A. thị trường tiêu thụ rộng lớn. **B.** có nhiều loại đất khác nhau.
C. các cao nguyên bằng phẳng. **D.** phần lớn có khí hậu nóng ẩm.

Câu 19: Để giải quyết triệt để tình trạng nợ nước ngoài lớn và giảm bớt sự lệ thuộc kinh tế vào bên ngoài, giải pháp mang tính đột phá và bền vững nhất mà các quốc gia Mỹ La-tinh cần thực hiện là
A. tập trung khai thác và xuất khẩu khoáng sản thô để tích lũy nhiều ngoại tệ.
B. cải cách kinh tế, phát triển công nghiệp chế biến sâu và đa dạng hóa đối tác.
C. thực hiện chính sách đóng cửa nền kinh tế để tối đa hóa tiêu dùng nội địa.
D. ngừng tiếp nhận toàn bộ các nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ các nước phát triển.

Câu 20: Hiện tượng "đô thị hóa tự phát" ở khu vực Mỹ La-tinh phản ánh điều nào sau đây về mối quan hệ giữa kinh tế và đô thị hóa?
A. Đô thị hóa diễn ra chậm hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình.
B. Sự phát triển đồng bộ giữa quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.
C. Nền kinh tế phát triển mạnh mẽ thúc đẩy sự thay đổi nhanh chóng bộ mặt đô thị.
D. Tốc độ đô thị hóa vượt trước trình độ phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚN/SAI

Câu 1: Cho thông tin sau:
Thu nhập của người dân Bra-xin có sự chênh lệch rất lớn giữa nhóm giàu và nhóm nghèo. Ngoài ra, giữa các vùng trong nước cũng có sự phân hoá kinh tế rất mạnh mẽ, điển hình là sự tập trung phát triển tại vùng Đông Nam.
a) Sự phân hóa giàu nghèo là một trong những thách thức xã hội lớn nhất mà Bra-xin đang phải đối mặt.
b) Việc kinh tế tập trung quá mức ở vùng Đông Nam dẫn đến sự chênh lệch về hạ tầng và chất lượng cuộc sống so với các vùng khác.
c) Khoảng cách thu nhập quá lớn giữa các nhóm dân cư là nhân tố trực tiếp gây ra tình trạng mất an ninh và trật tự xã hội tại các đô thị.
d) Bra-xin có thể xóa bỏ sự phân hóa vùng miền bằng cách khuyến khích người dân di cư từ nông thôn vào các thành phố lớn.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Khu vực Mỹ La-tinh đóng góp khoảng 6% vào GDP thế giới. Quy mô GDP của các nước trong khu vực có sự chênh lệch lớn, các nước có quy mô GDP lớn nhất khu vực là Bra-xin và Mê-hi-cô. Nền kinh tế của nhiều quốc gia vẫn còn phụ thuộc nhiều vào nước ngoài về vốn, công nghệ và thị trường.

a) Bra-xin và Mê-hi-cô là những quốc gia có quy mô GDP hàng đầu ở khu vực Mỹ La-tinh.

b) Sự chênh lệch lớn về GDP giữa các nước cho thấy trình độ phát triển kinh tế trong khu vực không đồng đều.

c) Tốc độ tăng trưởng GDP của toàn khu vực Mỹ La-tinh luôn duy trì ở mức cao và rất ổn định qua các thập kỉ.

d) Việc giảm bớt sự phụ thuộc vào vốn đầu tư nước ngoài là một trong những thách thức lớn để các nước Mỹ La-tinh tự chủ kinh tế.

III. TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Biết tổng GDP của Bra-xin năm 2024 là 2185,8 tỉ USD, tỉ trọng khu vực Công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu GDP của Bra-xin chiếm 20,9%. Hãy cho biết giá trị khu vực Công nghiệp - xây dựng của Bra-xin năm 2024 là bao nhiêu tỉ USD? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2: Năm 2024, dân số của Bra-xin là 212 triệu người, số dân thành thị là 186,3 triệu người. Hãy cho biết tỉ lệ dân nông thôn của Bra-xin năm 2024 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3: Năm 2024, GDP của Mỹ Latinh đạt 6760 tỉ USD, số dân của Mỹ Latinh là 621,4 triệu người. Hãy cho biết GDP bình quân trên đầu người của Mỹ Latinh năm 2024 là bao nhiêu nghìn USD (làm tròn đến hàng đơn vị).

Câu 4: Tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành của Bra-xin năm 2020 và năm 2024 lần lượt là 1476107 triệu USD và 2185822 triệu USD. Hãy cho biết tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành của Bra-xin năm 2024 so với năm 2020 là bao nhiêu phần trăm (coi năm 2020 = 100%) (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

B. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Cơ cấu GDP của một số nước năm 2024

Nhóm nước		Cơ cấu GDP *(%)*			
		Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản	**Công nghiệp và xây dựng**	**Dịch vụ**	**Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm**
Phát triển	Anh	0,6	17,1	72,4	9,9
	Pháp	1,3	17,2	70,9	10,6
Đang phát triển	In-đô-nê-xi-a	12,6	39,3	43,8	4,3
	Việt Nam	11,9	37,6	42,3	8,2

(Nguồn: Cục Thống kê Việt Nam, năm 2025)

a. Vẽ biểu thích hợp nhất thể hiện cơ cấu GDP của Pháp và Việt Nam năm 2024

b. Nhận xét.

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ toàn thế giới giai đoạn 2015 - 2024

(Đơn vị: tỉ USD)

Trị giá	Xuất khẩu	Nhập khẩu
2015	21280,8	20746,0
2020	22350,6	21720,7

2024	23413,4	23826,9

(Nguồn: https://Data.worldbank.org/indicator/2025)

a. Vẽ biểu cột ghép thể hiện trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ toàn thế giới qua các năm trên.
b. Nhận xét.

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Sản lượng dầu mỏ và điện của thế giới, giai đoạn 2000 - 2024

Năm	2000	2010	2015	2024
Dầu mỏ *(triệu tấn)*	3605,5	3983,4	4362,9	4120,0
Điện *(tỉ KWh)*	1555,3	21570,7	24266,3	31255,9

(Nguồn: WB, 2024)

Dựa vào bảng số liệu, hãy vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng điện và dầu mỏ giai đoạn 2000- 2024. Rút ra nhận xét.

Câu 4: Hãy trình bày các hệ quả của toàn cầu hoá. Phân tích ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới?

Câu 5: Hãy cho biết vì sao cần thiết phải bảo vệ nền hoà bình trên thế giới?

Câu 6: Tại sao nền kinh tế Mĩ La tinh phát triện chậm, thiếu ổn định và phụ thuộc vào nước ngoài?

Câu 7: Trình bày các đặc điểm đô thị hoá, dân cư khu vực Mỹ La Tinh. Phân tích ảnh hưởng của chúng đến phát triển KT-XH khu vực này?

----------Hết----------